

Số: /KH-UBND

Hưng Yên, ngày tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH
Phòng chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung
giai đoạn 2026 – 2035 tỉnh Hưng Yên

Thực hiện Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 03/02/2026 của Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu Kế hoạch hành động quốc gia về Phòng chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung giai đoạn 2026 – 2035, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Phòng chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung giai đoạn 2026 – 2035 trên địa bàn tỉnh, như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao hiệu quả dự phòng các cấp, chẩn đoán, điều trị và quản lý sau điều trị Ung thư vú (UTV) và Ung thư cổ tử cung (UTCTC), góp phần đạt được các mục tiêu của Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân cũng như các Mục tiêu Phát triển Bền vững.

Chỉ tiêu đến 2035 tại tỉnh Hưng Yên:

- UTV: Giảm tỷ lệ tử vong do UTV trung bình 2,5% mỗi năm;

- UTCTC: Giảm tỷ lệ mắc mới UTCTC dưới 4/100.000 phụ nữ và giảm tỷ lệ tử vong <1/100.000 phụ nữ, tiến tới loại trừ UTCTC.

2. Mục tiêu và chỉ tiêu của tỉnh

TT	Chỉ tiêu	2030	2035
2.1. Mục tiêu 1: Hoàn thiện cơ chế chính sách và hướng dẫn chuyên môn, tăng cường hiệu quả quản lý chương trình phòng chống UTV và UTCTC.			
a	UBND xã, phường xây dựng kế hoạch của địa phương về phòng chống UTV và UTCTC giai đoạn 2026-2035 (%)	100	100
b	Cập nhật văn bản pháp luật, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến phòng chống UTV, UTCTC thường xuyên, kịp thời	Thực hiện	Thực hiện
2.2. Mục tiêu 2: Nâng cao hiệu quả dự phòng cấp 0 và cấp I đối với UTV và UTCTC.			
<i>Chỉ tiêu chung</i>			
a	Người trưởng thành được tiếp cận thông tin về UTV, UTCTC (nguyên cơ, dấu hiệu, phương pháp dự phòng, sàng lọc) qua các kênh phổ biến, hiện đại (%)	70	90
b	Xã, phường triển khai chương trình truyền thông về UTV,	90	100

	UTCTC thường xuyên, có trọng tâm, phù hợp đặc thù vùng miền (%)		
	<i>Chỉ tiêu riêng đối với UTCTC</i>		
c	Trẻ em gái 9-15 tuổi được tiêm đủ liều vắc xin HPV tại các địa bàn triển khai theo Kế hoạch thực hiện Lộ trình tăng số lượng vắc xin trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng giai đoạn 2021 - 2030 của Bộ Y tế (%)	90	90
2.3. Mục tiêu 3: Tăng độ bao phủ sàng lọc phát hiện sớm UTV và UTCTC nhằm giảm tỷ lệ tử vong và cải thiện tỷ lệ sống thêm.			
	<i>Chỉ tiêu chung</i>		
a	UBND xã, phường triển khai hoạt động sàng lọc UTV và UTCTC theo hướng dẫn chuyên môn (%)	80	100
	<i>Chỉ tiêu riêng đối với UTV</i>		
b	Phụ nữ trong độ tuổi mục tiêu (từ 40-70 tuổi) được khám và sàng lọc định kỳ theo hướng dẫn chuyên môn (%)	50	70
c	Phụ nữ có dấu hiệu nghi ngờ hoặc kết quả sàng lọc bất thường được chẩn đoán xác định trong vòng ≤ 60 ngày kể từ lần khám đầu tiên (%)	50	80
	<i>Chỉ tiêu riêng đối với UTCTC</i>		
d	Phụ nữ trong độ tuổi mục tiêu (từ 30 - 49 tuổi) được xét nghiệm sàng lọc UTCTC bằng phương pháp xét nghiệm hiệu năng cao theo Hướng dẫn về Dự phòng và kiểm soát UTCTC và được xét nghiệm lại trước tuổi 45 vào năm 2035 (%) (Bao gồm: xét nghiệm tế bào học cổ tử cung; xét nghiệm tìm sự hiện diện của các typ HPV nguy cơ cao và các kỹ thuật mới được Bộ Y tế cho phép)	35	70
2.4. Mục tiêu 4: Đảm bảo chất lượng điều trị, chăm sóc liên tục, toàn diện và nhân văn đối với UTV và UTCTC.			
	<i>Chỉ tiêu chung</i>		
a	Cơ sở điều trị tỉnh trở lên thực hiện hội chẩn đa chuyên khoa (tumor board) và áp dụng phác đồ điều trị cập nhật theo hướng dẫn chuyên môn (%)	80	100
b	Người bệnh được theo dõi và tái khám định kỳ, quản lý lâu dài sau điều trị theo tiêu chuẩn chuyên môn (%)	70	90
c	Nhân viên y tế cấp ban đầu được đào tạo về khám sàng lọc, nhận biết dấu hiệu nghi ngờ, tổn thương tiền ung thư và chuyển đúng quy trình (%)	80	100
d	Cơ sở y tế chuyên khoa ung bướu, sản phụ khoa, đơn vị có chức năng sàng lọc, chẩn đoán, điều trị UTV và UTCTC áp dụng phác đồ và hướng dẫn chuyên môn cập nhật (%)	80	100
	<i>Chỉ tiêu riêng đối với UTV</i>		
đ	Trường hợp UTV xâm lấn được phát hiện ở giai đoạn sớm (giai đoạn I - II) (%)	40	60
e	Người bệnh UTV được điều trị đa mô thức; chăm sóc toàn diện và hoàn thành liệu trình điều trị theo hướng dẫn chuyên môn (%)	60	80
	<i>Chỉ tiêu riêng đối với UTCTC</i>		

g	Phụ nữ được chẩn đoán tổn thương tiền ung thư hoặc UTCTC xâm lấn được phát hiện, xử trí đúng theo hướng dẫn chuyên môn (%)	80	90
2.5. Mục tiêu 5: Đảm bảo nguồn lực tài chính bền vững và công bằng trong tiếp cận dịch vụ.			
a	UBND các cấp có bố trí nguồn kinh phí dành riêng cho hoạt động phòng chống UTV, UTCTC (%)	80	100
b	Các chương trình khám sức khỏe định kỳ cho phụ nữ có lồng ghép sàng lọc phát hiện sớm UTV, UTCTC	80	100
2.6. Mục tiêu 6: Xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu, và giám sát chương trình phòng chống UTV, UTCTC.			
a	Xây dựng, lồng ghép vận hành hiệu quả hệ thống thông tin y tế theo hướng kết nối, liên thông, tích hợp hướng đến quản lý cá nhân hoá dữ liệu	Thực hiện	Thực hiện
b	Tỷ lệ hồ sơ sức khỏe điện tử của phụ nữ có tích hợp dữ liệu tiêm phòng HPV, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị UTV, UTCTC (%)	70	100
c	Tỷ lệ nhân viên y tế tham gia cung cấp dịch vụ phòng chống UTV và UTCTC sử dụng Hệ thống thông tin sức khỏe sinh sản (%)	70	90
d	Các trường hợp UTV, UTCTC mới được phát hiện được ghi nhận và theo dõi trên Hệ thống thông tin sức khỏe sinh sản và kết nối với Hệ thống giám sát, ghi nhận ung thư (%)	70	100

II. GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI

1. Nhóm giải pháp về chính sách và tài chính

- Rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế hỗ trợ phù hợp cho công tác dự phòng và sàng lọc UTV, UTCTC từ ngân sách trung ương và địa phương, các đối tác phát triển, khu vực tư nhân và các tổ chức phi chính phủ.

- Lồng ghép sàng lọc phát hiện sớm UTV, sàng lọc và điều trị tiền UTCTC vào các chính sách về chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ (khám sức khỏe định kỳ, Chương trình mục tiêu quốc gia Chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển, các chiến lược, Kế hoạch hóa gia đình (KHHDQG) về phòng chống bệnh không lây nhiễm và chăm sóc sức khỏe phụ nữ...).

- Huy động nguồn lực xã hội hóa, viện trợ, hợp tác công – tư theo quy định pháp luật.

2. Nhóm giải pháp về truyền thông, vận động, giáo dục sức khỏe, thay đổi hành vi

- Tăng cường truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh cơ sở, mạng xã hội chính thống của tỉnh.

- Lồng ghép nội dung truyền thông vào hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội.

- Tổ chức các chiến dịch truyền thông cao điểm hàng năm gắn với Tháng hành động vì phụ nữ, Ngày Thế giới phòng chống ung thư.

3. Nhóm giải pháp về nhân lực, nâng cao năng lực

- Đào tạo nhân viên y tế các cấp theo các quy trình đã được chuẩn hóa, đào tạo liên tục, chuyển giao kỹ thuật cho cấp dưới theo phương pháp cầm tay chỉ việc, đào tạo theo kíp về sàng lọc, chẩn đoán, điều trị và theo dõi người bệnh UTV và UTCTC theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế cũng như các khuyến cáo cập nhật của WHO.

- Đào tạo chuyên sâu về chẩn đoán hình ảnh vú (siêu âm, X-quang vú, MRI) và kỹ thuật sinh thiết lõi, giải phẫu bệnh; tế bào học, soi cổ tử cung (CTC), điều trị tổn thương sớm CTC; sinh thiết hạch hạch, phẫu thuật bảo tồn, phẫu thuật tạo hình, xạ trị kỹ thuật cao.

- Phát triển các hình thức đào tạo trực, tư vấn, khám, chữa bệnh từ xa bằng công nghệ thông tin nhằm trao đổi thông tin, đào tạo, hội chẩn, tư vấn, hỗ trợ chuyên môn từ các bệnh viện chuyên sâu cho cấp ban đầu.

- Đưa nội dung phòng chống UTV, UTCTC vào chương trình đào tạo tiền lâm sàng cho điều dưỡng, hộ sinh và kỹ thuật viên hình ảnh (đối với UTV).

- Cải thiện chất lượng công tác chỉ đạo chuyên môn về dự phòng, sàng lọc, điều trị UTV, UTCTC; tăng cường giám sát hỗ trợ, thông tin hai chiều; kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn chuyên môn trong lĩnh vực này ở các cơ sở y tế, bao gồm cả các cơ sở y tế công lập, y tế tư nhân.

4. Nhóm giải pháp về cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Rà soát, bổ sung trang thiết bị phục vụ sàng lọc, chẩn đoán phù hợp điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

- Tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho phòng chống UTCTC tại cấp cơ bản, cấp ban đầu, đặc biệt các Trạm Y tế để đảm bảo công tác khám, sàng lọc ban đầu về UTCTC.

- Đầu tư, nâng cấp và phát triển các cơ sở khám chữa bệnh chuyên ngành sản phụ khoa, ung thư, các bệnh viện chuyên sâu nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc giảm nhẹ người bệnh UTV, UTCTC.

5. Nhóm giải pháp về chuyên môn kỹ thuật, khoa học và công nghệ

- Chuẩn hóa quy trình hội chẩn đa chuyên khoa tại tất cả cơ sở điều trị cấp tỉnh trở lên.

- Xây dựng các trung tâm vùng hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật và hội chẩn từ xa cho các cơ sở trong khu vực.

- Tổ chức các chiến dịch truyền thông kết hợp cung cấp dịch vụ sàng lọc, điều trị tổn thương tiền ung thư lưu động tại vùng khó khăn, khu công nghiệp...

- Xây dựng mô hình quản lý điều trị từ xa (telemedicine) và hệ thống cảnh báo tái khám tự động cho người bệnh sau điều trị.

- Triển khai tư vấn, hỗ trợ chuyên môn qua các nền tảng số.

- Triển khai hiệu quả việc đưa vắc-xin HPV vào chương trình Tiêm chủng mở rộng đúng lộ trình cho trẻ em gái theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Bên cạnh đó, tăng cường triển khai cung cấp vắc-xin HPV với mức giá ưu đãi cho nhóm đối tượng nguy cơ cao khác ngoài nhóm đối tượng tiêm chủng mở rộng nhằm khuyến khích người dân tự nguyện phòng bệnh UTCTC.

- Triển khai thực hiện chương trình sàng lọc tùy theo sẵn có của test sàng lọc, năng lực cụ thể của các cơ sở y tế theo hướng dẫn chuyên môn cập nhật như: xét nghiệm HPV DNA đầu tay đơn lẻ, hoặc HPV mRNA, hoặc xét nghiệm tế bào học, hoặc VIA, hoặc cotesting (xét nghiệm HPV nguy cơ cao phối hợp tế bào học) được chỉ định cho các phụ nữ trong độ tuổi 21-65 tuổi, đã quan hệ tình dục, ưu tiên cho nhóm phụ nữ trong độ tuổi 30 - 49 tuổi. Ưu tiên triển khai các kỹ thuật xét nghiệm HPV từ bệnh phẩm do nhân viên y tế lấy hoặc người phụ nữ tự lấy. Tiếp tục các chương trình sàng lọc bằng tế bào CTC đảm bảo chất lượng cho đến khi xét nghiệm HPV DNA sẵn sàng.

- Nâng cao chất lượng điều trị UTCTC, xây dựng hệ thống chuyên phù hợp. Các bệnh viện chuyên khoa, đa khoa tỉnh có kế hoạch kết nối nhằm giảm thiểu tiêu tốn nguồn lực và thống nhất phác đồ điều trị.

6. Nhóm giải pháp về ghi nhận thông tin, theo dõi và giám sát

- Tăng cường và nâng cao chất lượng theo dõi và giám sát bao gồm cả giám sát lồng ghép và hỗ trợ sau đào tạo trong triển khai trên diện rộng, trao đổi thông tin 2 chiều, đặc biệt cấp trên - cấp dưới đảm bảo theo dõi chương trình, kiểm tra độ bao phủ, hiệu quả và tác động.

- Triển khai lồng ghép việc ghi nhận thông tin về sàng lọc UTV, UTCTC vào Hệ thống thông tin sức khỏe sinh sản; duy trì, phát triển Hệ thống giám sát, ghi nhận ung thư (bao gồm UTV và UTCTC). Kết nối, chia sẻ thông tin giữa hai hệ thống.

- Phối hợp tăng cường áp dụng công nghệ thông tin, kỹ năng số, AI trong thống kê, báo cáo; nâng cao năng lực thông qua hình thức tập huấn/đào tạo cho đội ngũ làm công tác thống kê, báo cáo nhằm nâng cao chất lượng thông tin, dữ liệu thu thập.

- Đào tạo nhân viên y tế sử dụng phần mềm quản lý, phân tích dữ liệu, đảm bảo bảo mật thông tin.

- Tổ chức giám sát định kỳ, đánh giá hiệu quả và báo cáo tổng hợp, cập nhật dữ liệu lên Hệ thống giám sát, ghi nhận ung thư (bao gồm UTV và UTCTC).

III. LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Giai đoạn 2026-2027: Giai đoạn chuẩn bị

- Phối hợp hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn kỹ thuật, quy trình chuyên môn và khung chính sách quốc gia.

- Đào tạo đội ngũ giảng viên nòng cốt và cán bộ kỹ thuật tại các Trạm Y tế

xã và bệnh viện.

Giai đoạn 2028-2030: Giai đoạn tích hợp

- Triển khai tích hợp chương trình phòng chống UTV, UTCTC vào hệ thống quản lý bệnh không lây nhiễm và hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân.

- Cập nhật hướng dẫn chuyên môn theo bằng chứng và công nghệ mới.

Giai đoạn 2031-2035: Giai đoạn củng cố và phát triển bền vững

- Củng cố hệ thống dữ liệu tỉnh, bảo đảm liên thông và tự động cập nhật.

- Đánh giá toàn diện hiệu quả triển khai.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới trong sàng lọc, chẩn đoán và chăm sóc hậu điều trị.

- Đề xuất vào chiến lược giai đoạn 2036 - 2045 hướng tới giảm $\geq 25\%$ tử vong tích lũy, đạt mục tiêu toàn cầu của WHO về kiểm soát UTV; tiến đến loại trừ UTCTC và cải tiến liên tục.

IV. KINH PHÍ: Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, ngân sách các chương trình mục tiêu quốc gia); nguồn ngân sách Quỹ Bảo hiểm y tế; nguồn kinh phí xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Là đầu mối chủ trì triển khai KHHĐQG về phòng chống UTV và UTCTC giai đoạn 2026 – 2035; đôn đốc, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện kế hoạch.

- Chỉ đạo các đơn vị y tế thực hiện các hoạt động sàng lọc, truyền thông, đào tạo, tổng hợp báo cáo định kỳ theo quy định.

- Chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tổ chức công tác truyền thông - giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, thái độ và hành vi của người dân, góp phần giảm kỳ thị, tăng chủ động dự phòng, khám định kỳ và tuân thủ điều trị trong cộng đồng.

- Phối hợp với Sở Tài chính xây dựng dự toán hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; huy động mọi nguồn lực, triển khai thực hiện Kế hoạch tại địa phương.

- Báo cáo tiến độ thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế.

2. Các sở, ban, ngành và tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội

- Phối hợp cùng Sở Y tế, các cơ sở y tế và các cơ quan truyền thông trong công tác tuyên truyền, vận động chính sách, nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng chống UTV và UTCTC. Thúc đẩy các mô hình hỗ trợ người bệnh, chăm sóc cộng đồng, và huy động nguồn lực xã hội cho hoạt động sàng lọc và điều trị.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh: Chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, hệ thống truyền thông cơ sở tăng cường truyền thông về phòng, chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung.

3. Sở Tài chính: Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này theo quy định của Luật Ngân sách và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan .

4. Ủy ban nhân dân xã, phường

- Ban hành Kế hoạch triển khai Kế hoạch này tại địa phương và bố trí nguồn lực và huy động nguồn lực xã hội hóa để triển khai thực hiện; giao 01 cơ quan, đơn vị chủ trì làm đầu mối để đôn đốc, kiểm tra, giám sát; định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện về Sở Y tế theo quy định.

- Chỉ đạo Trạm y tế xã, phường thực hiện các hoạt động sàng lọc, truyền thông, đào tạo... Phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong truyền thông, vận động cộng đồng tham gia sàng lọc, phát hiện sớm bệnh.

Nhận Kế hoạch này, yêu cầu các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị gửi văn bản về Sở Y tế để xem xét giải quyết hoặc báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (để báo cáo);
- Cục Bà mẹ và Trẻ em, Bộ Y tế (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Lưu: VT, KGVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Nghiêm